



BỘ KĨ NĂNG A+

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC



SCAN ME



TÀI LIỆU ĐƯỢC TỔNG HỢP VÀ BIÊN SOẠN BỞI
CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP BÁCH KHOA



ĐẠI CƯƠNG KHÓ
CÓ CÚ LO

Mục lục

1	CNXHKH là gì? Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học	3
2	Vai trò của C.Mác và Ph. Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.	6
3	Những điều kiện khách quan và chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN	8
4	Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?	10
5	Khái niệm dân tộc và cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin.	12
6	Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bản chất, nguồn gốc và nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH	14
7	Phân tích các chức năng cơ bản của gia đình	17
	Tài liệu tham khảo	19



ĐẠI CƯƠNG KHÓ
CÓ CÚ LO

1. CNXHKH là gì? Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích ôn tập, sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 1

Phân tích điều kiện kinh tế - xã hội cho sự ra đời CNXHKH

Theo nghĩa hẹp, chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin; là biểu hiện về mặt lý luận phong trào công nhân; là khoa học đấu tranh giai cấp để giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng người lao động và giải phóng xã hội thoát khỏi tình trạng áp bức bóc lột.

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ tạo nên nền đại công nghiệp. Nền đại công nghiệp cơ khí làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc, dẫn tới bộc lộ mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản :

Về kinh tế:

Cuộc cách mạng công nghiệp đã hoàn thành ở nước Anh, bắt đầu chuyển sang nước Pháp và Đức làm xuất hiện một lực lượng sản xuất mới, đó là nền đại công nghiệp. Nền đại công nghiệp phát triển đã làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc. Sự chuyên môn hoá càng cao trong sản xuất (mỗi thành phần của sản phẩm làm bởi một bộ phận) dẫn đến sự xã hội hoá càng cao (cả thế giới cùng làm 1 sản phẩm).

Tuy nhiên sự phát triển mạnh của cách mạng công nghiệp tạo ra khủng hoảng xã hội về thừa sản phẩm sản xuất ra và thiếu nguyên liệu đầu vào. Hậu quả làm cho kinh tế dần trở nên suy thoái, thất nghiệp ngày càng cao. Mâu thuẫn ngày càng quyết liệt giữa lực lượng sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Biểu hiện ra bên ngoài bằng các cuộc khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ (1825, 1836, 1847, 1857). Trong đó khủng hoảng thừa diễn ra khi cung lớn hơn cầu, hay sức sản xuất quá nhiều so với sức mua của xã hội, làm cho hàng hóa ứ lại không bán được, giá cả thấp hơn giá trị khiến nhà máy đóng cửa, công nhân thất nghiệp. Ngược lại, khủng hoảng thiếu diễn ra khi cung nhỏ hơn cầu, làm cho giá cả lớn hơn giá trị khiến cho sinh hoạt của người dân đắt đỏ. Đây là bằng chứng cho sự mâu thuẫn của phương thức sản xuất TBCN đã trở nên gay gắt không thể tự điều tiết bằng các học thuyết kinh tế đương thời.

Về xã hội:

Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản đã trở nên gay gắt, bộc lộ ra thành các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân: Cuộc đấu tranh của công nhân dệt Lyon (Pháp) 1831 và 1834, Cuộc đấu tranh của công nhân dệt Xilêđi (Đức) 1844, Phong trào Hiến chương Anh kéo dài hơn 10 năm từ 1836 - 1848. Đặc biệt, phong trào công nhân dệt thành phố Lyon, nước Pháp diễn ra vào năm 1831 và năm 1834 đã có tính chất chính trị rõ nét. Nếu năm 1831, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Li-on giương cao khẩu hiệu thuần túy có tính chất kinh tế “sống có việc làm hay là chết trong đấu tranh” thì đến năm 1834, khẩu hiệu của phong trào đã chuyển sang mục đích chính trị: “Cộng hòa hay là chết”.

Các cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản diễn ra ở các nước tư bản phát triển, chịu ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp (Anh, Pháp, Đức) Các phong trào đấu tranh đã thể hiện giai cấp công nhân đã trưởng thành phát triển cả về số lượng và chất lượng, họ trở thành một lực lượng chính trị xã hội độc lập, lần đầu tiên họ đứng lên đấu

tranh chống lại giai cấp tư sản với tư cách là một giai cấp để đòi hỏi những lợi ích về kinh tế và chính trị. Tuy nhiên những phong trào này chỉ dừng lại là những hình thức đấu tranh tự phát và bị thất bại.

Sự phát triển nhanh chóng có tính chính trị công khai của phong trào công nhân đã minh chứng, lần đầu tiên, giai cấp công nhân đã xuất hiện như một lực lượng chính trị độc lập với những yêu sách kinh tế, chính trị riêng của mình và đã bắt đầu hướng thẳng mũi nhọn của cuộc đấu tranh vào kẻ thù chính của mình là giai cấp tư sản.

Cuộc đấu tranh giai cấp công nhân tất yếu sẽ dẫn đến một yêu cầu mới, yêu cầu phải có một lý luận khoa học dẫn đường, để đưa giai cấp công nhân đi từ đấu tranh tự phát tới đấu tranh tự giác vì lợi ích của giai cấp mình. Đây chính là yêu cầu khách quan để các nhà tư tưởng nghiên cứu tổng kết thực tiễn cho ra đời lý luận CNXHKKH

Như vậy, sự ra đời của CNXHKKH đã đáp ứng được yêu cầu phát triển của phong trào công nhân. Điều kiện kinh tế - xã hội chính là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời của CNXHKKH.

Câu 2

Phân tích tiền đề khoa học tự nhiên cho sự ra đời CNXHKKH

Theo nghĩa hẹp, chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin; là biểu hiện về mặt lý luận phong trào công nhân; là khoa học đấu tranh giai cấp để giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng người lao động và giải phóng xã hội thoát khỏi tình trạng áp bức bóc lột.

Cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, nhân loại đã đạt nhiều thành tựu to lớn trên lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, tạo nền tảng cho phát triển tư duy lý luận. Trong khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng: Học thuyết tiến hóa; Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; Học thuyết tế bào.

- **Thuyết tế bào**, phát minh vào những năm 1838-1839 của nhà thực vật học người Đức M.J. Schleiden. (1804-1881) và nhà vật lý học người Đức Th.Schwann (1810-1882)
Việc ra đời thuyết tế bào đã giúp cho con người bác bỏ những quan điểm siêu hình khi nhận thức tách biệt, biệt lập về mối quan hệ giữa thế giới động vật và thực vật. Đồng thời, chính sự ra đời của thuyết tế bào đã giúp cho các nhà khoa học thấy được sự thống nhất trong sự đa dạng của sinh giới, mối quan hệ biện chứng của thế giới sinh vật sống (động vật và thực vật) đều bắt đầu từ 1 tế bào đầu tiên. Đây là cơ sở để hình thành phương pháp tư duy biện chứng trong nghiên cứu về giới tự nhiên và cơ sở tiền đề cho học thuyết tiến hóa của Darwin. Đây là 1 trong 3 luận điểm quan trọng của triết học DVBC chứng minh sinh giới được tạo ra từ ngẫu sinh hóa học và tiến hóa lâu dài chứ không phải do bất kỳ 1 lực lượng siêu nhiên nào.
- **Thuyết tiến hóa**, phát minh năm 1859 của Charles Darwin người Anh (1809-1882)
Việc ra đời của thuyết tiến hóa đã phát hiện ý nghĩa của chọn lọc tự nhiên giúp con người thoát khỏi quan điểm duy tâm thần học đã tồn tại trước đó khi lý giải về nguồn gốc của loài người và thế giới vật chất. Đồng thời, thuyết tiến hóa của Charles Darwin đã giúp cho các nhà triết học nghiên cứu sự phát triển của thế giới vật chất theo quan điểm duy vật biện chứng và đưa ra một cách lý giải về sự phát triển của loài người là một quá trình phát triển tuân theo quy luật tự nhiên.
- **Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng**, phát minh vào khoảng 1842-1845 do M.V.Lômônôxốp người Nga (1711-1765) và Mayer (1814-1878)
Ý nghĩa của định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng đã khẳng định là năng lượng không thể được tạo ra cũng như không thể bị phá hủy; thay vào đó, nó chỉ có thể được biến đổi từ dạng này sang dạng khác hoặc chuyển đổi từ vật này sang vật khác (hoặc cả hai). Vận dụng định luật này vào xem xét sự phát triển của thế giới vật chất cho phép các nhà triết học thấy được thế giới vật chất là vô cùng vô tận, có sự chuyển hóa và biểu hiện ở các dạng khác nhau và không thể biến mất. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học tự nhiên, nhất là trên lĩnh vực vật lý học và sinh học, đã làm thay đổi quan niệm siêu hình về nhận thức thế giới tự nhiên; đồng thời, khẳng định phép biện chứng khách quan của mọi quá trình trong sự vận động và phát triển của thế giới.

Khoa học tự nhiên mang tính chất lý luận trong giai đoạn này là tiền đề cho sự ra đời của triết học Mác nói chung và CNXHKKH nói riêng và là cơ sở về thế giới quan và phương pháp luận cho các lĩnh vực khoa học cụ thể trong việc nhận thức thế giới khách quan.

Câu 3

Phân tích tiền đề tư tưởng – lý luận cho sự ra đời CNXHKKH

Theo nghĩa hẹp, chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin; là biểu hiện về mặt lý luận phong trào công nhân; là khoa học đấu tranh giai cấp để giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng người lao động và giải phóng xã hội thoát khỏi tình trạng áp bức bóc lột.

Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó có:

- Triết học cổ điển Đức: Kế thừa phép biện chứng của Hêghen trên cơ sở loại bỏ các yếu tố duy tâm thần bí, kế thừa các quan điểm duy vật tiến bộ của Phơbách để xây dựng nên phép biện chứng duy vật.
- Kinh tế chính trị học cổ điển Anh (Adam Smith, David Ricardo) với những thành tựu về bàn tay vô hình, kinh tế hàng hóa, lý luận về tiền tệ, lý luận về giá trị lao động. . . Đó là những phát kiến vĩ đại về học thuyết giá trị thặng dư.
- Chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán (Xanh xi mộng, Phuriê, Ooen) với những tư tưởng về xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, về nhà nước, giải phóng phụ nữ, thực nghiệm xã hội. Đây chính là tiền đề lý luận trực tiếp cho sự ra đời của CNXHKKH.

Giá trị tích cực chủ nghĩa không tưởng phê phán đầu thế kỷ 19:

- Đã thể hiện tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột, của cải khản kiệt, đạo đức đảo lộn, tội ác gia tăng;
- Đã đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai: về tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội; vai trò của công nghiệp và khoa học - kỹ thuật; về sự nghiệp giải phóng phụ nữ và về vai trò lịch sử của nhà nước. . . ;
- Đã thức tỉnh giai cấp công nhân và người lao động trong cuộc đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột.

Hạn chế chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán

- Do điều kiện lịch sử, hoặc do chính sự hạn chế về tầm nhìn và thể giới quan của những nhà tư tưởng, không phát hiện ra được quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung; bản chất, quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng.
- Không phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, giai cấp công nhân;
- Không chỉ ra được những biện pháp hiện thực cải tạo xã hội áp bức, bất công đương thời, xây dựng xã hội mới tốt đẹp.

Chính vì những hạn chế ấy, mà chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán chỉ dừng lại ở mức độ một học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng - phê phán.

Đây chính là những giá trị khoa học, cống hiến của các nhà tư tưởng đã tạo ra tiền đề tư tưởng- lý luận, để C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa những hạt nhân hợp lý, loại bỏ những bất hợp lý, xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học.



ĐẠI CƯƠNG KHÓ
CÓ CÚ LO

2. Vai trò của C.Mác và Ph. Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Lưu ý: Trình bày theo sự hướng dẫn của thầy cô. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích ôn tập, sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 4

Vai trò của C.Mác và Ph. Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

Vai trò tổng quát: Marx và Engels đã gắn liền nghiên cứu khoa học với hoạt động thực tiễn, đồng thời trả lời được các vấn đề mà thời đại đặt ra một cách khoa học, từng bước hình thành học thuyết của mình.

Để đi phân tích vai trò của Marx và Engels trong sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học, ta đi phân tích qua sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị, ba phát kiến vĩ đại và Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - mốc đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị

Khi bước vào hoạt động khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen là hai thành viên tích cực của câu lạc bộ Hêghen trẻ và chịu ảnh hưởng của quan điểm triết học của V.Ph.Hêghen và L.Phôiơbắc. Với nhãn quan khoa học uyên bác, các ông đã sớm nhận thấy những mặt tích cực và hạn chế trong triết học của V.Ph.Hêghen và L. Phôiơbắc. C.Mác và Ph.Ăng ghen đã kế thừa “cái hạt nhân hợp lý”, cải tạo và loại bỏ cái vỏ thần bí duy tâm, siêu hình để xây dựng nên lý thuyết mới chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Năm 1847 đầu năm 1848: Marx và Engels viết tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”. Với C.Mác, từ cuối năm 1843 đến 4/1844, thông qua tác phẩm “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen - Lời nói đầu (1844)”, đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ **thế giới quan duy tâm** sang **thế giới quan duy vật**, từ lập trường **dân chủ cách mạng** sang **lập trường cộng sản chủ nghĩa**.

Đối với Ph.Ăngghen, từ năm 1843 với tác phẩm “Tình cảnh nước Anh”; “Lược khảo khoa kinh tế - chính trị” đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ **thế giới quan duy tâm** sang **thế giới quan duy vật**, từ lập trường **dân chủ cách mạng** sang **lập trường cộng sản chủ nghĩa**.

Chỉ trong một thời gian ngắn (từ 1843 -1848) vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã thể hiện quá trình chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị và từng bước củng cố, dứt khoát, kiên định, nhất quán và vững chắc lập trường đó, mà nếu không có sự chuyển biến này thì chắc chắn sẽ không có Chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen

a) Chủ nghĩa duy vật lịch sử - Phát kiến thứ nhất

Đây là phát kiến thứ nhất của C. Mác về triết học là người đầu tiên nghiên cứu sự phát triển của loài người trên cơ sở của CNDVBC. Chỉ ra sự phát triển của lịch sử loài người là 1 quá trình lịch sử tự nhiên thông qua sự vận động của các hình thái kinh tế - xã hội. Đồng thời, thông qua quy luật vận động của phương thức sản xuất TBCN, C.Mác đã đi đến khẳng định về sự thay thế của hình thái kinh tế - xã hội TBCN và sự ra đời của hình thái KT – XH CSCN là tất yếu khách quan.

b) Học thuyết về giá trị thặng dư – Phát kiến thứ 2

C.Mác và Ph.Ăngghen đi sâu nghiên cứu nền sản xuất công nghiệp và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã viết nên bộ “Tư bản”, mà giá trị to lớn nhất của nó là “Học thuyết về giá trị thặng dư - phát kiến vĩ đại thứ hai của C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định về phương diện kinh tế sự thay thế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với đặc trưng là QHSX dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự ra đời tất yếu của phương thức sản xuất CSCN với đặc trưng là QHSX dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là tất yếu.

c) Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân - Phát kiến thứ 3

C.Mác và Ph.Ăngghen có phát kiến vĩ đại thứ ba, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Với phát kiến thứ ba, những hạn chế cố tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng- phê phán đã được khắc phục một cách triệt để; đồng thời đã luận chứng và khẳng định về phương diện chính trị- xã hội sự thay thế của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa cộng sản (giai đoạn đầu là CNXH).

3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của CNXHKKH

Được sự uỷ nhiệm của những người cộng sản và công nhân quốc tế, tháng 2 năm 1848, tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo được công bố trước toàn thế giới. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là tác phẩm kinh điển chủ yếu của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Sự ra đời của tác phẩm vĩ đại này đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác bao gồm ba bộ phận hợp thành: Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản còn là cương lĩnh chính trị, là kim chỉ nam hành động của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, giải phóng loài người vĩnh viễn thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột giai cấp, bảo đảm cho loài người được thực sự sống trong hòa bình, tự do và hạnh phúc.

Chính Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã nêu và phân tích một cách có hệ thống lịch sử và lôgic hoàn chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất, đầy đủ, xúc tích và chặt chẽ nhất thấu tóm hầu như toàn bộ những luận điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ ra con đường và biện pháp cách mạng để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Trong đó, tiêu biểu và nổi bật là những luận điểm:

- Cuộc đấu tranh của giai cấp trong lịch sử loài người đã phát triển đến một giai đoạn mà giai cấp công nhân không thể tự giải phóng mình nếu không đồng thời giải phóng vĩnh viễn xã hội ra khỏi tình trạng phân chia giai cấp, áp bức, bóc lột và đấu tranh giai cấp. Song, giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức ra chính đảng của giai cấp, Đảng được hình thành và phát triển xuất phát từ chính sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.
- Lôgic phát triển tất yếu của xã hội tư sản và cũng là của thời đại tư bản chủ nghĩa đó là sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là tất yếu như nhau.
- Giai cấp công nhân, do có địa vị kinh tế - xã hội đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, có sứ mệnh lịch sử thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, đồng thời là lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.
- Những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, cần thiết phải thiết lập sự liên minh với các lực lượng dân chủ để đánh đổ chế độ phong kiến chuyên chế, đồng thời không quên đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Những người cộng sản phải tiến hành cách mạng không ngừng nhưng phải có chiến lược, sách lược khôn khéo và kiên quyết.

Đây là tác phẩm làm cho Chủ nghĩa Mác trở thành một **học thuyết hoàn chỉnh** không chỉ nhận thức thế giới mà quan trọng hơn là **cải tạo thế giới**.



ĐẠI CƯƠNG KHÓ
CÓ CÚ LO

3. Những điều kiện khách quan và chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN

Lưu ý: Trình bày theo sự hướng dẫn của thầy cô. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích ôn tập, sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 5

Phân tích điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Theo chủ nghĩa Mác- Lênin, sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân là thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bao gồm:

Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân quy định.

Giai cấp công nhân là sản phẩm trực tiếp của nền đại công nghiệp trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại.

Giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại (mang tính chất xã hội hóa) có vai trò quyết định sự thay thế quan hệ sản xuất TBCN (dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất) thiết lập Quan hệ sản xuất mới phù hợp với sự phát triển của Lực lượng sản xuất (chế độ công hữu về tư liệu sản xuất)

Điều kiện khách quan này là nhân tố kinh tế, quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Về xã hội: Trong CNTB giai cấp công nhân là giai cấp chịu sự áp bức bóc lột trực tiếp từ giai cấp tư sản, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân ngày càng phát triển thể hiện thông qua các cuộc đấu tranh cả về kinh tế và chính trị.

Về chính trị: Để giải phóng mình khỏi sự áp bức bóc lột về kinh tế, xã hội giai cấp công nhân đấu tranh giành chính quyền về tay mình, xóa bỏ sự thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ CNTB.

Giai cấp công nhân trở thành đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới, không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.

Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định.

Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng: tính tổ chức và kỷ luật, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội.

Những phẩm chất ấy của giai cấp công nhân được hình thành từ chính những điều kiện khách quan, được quy định từ địa vị kinh tế và địa vị chính trị - xã hội của nó trong nền sản xuất hiện đại và trong xã hội hiện đại mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một cách khách quan, ngoài ý muốn của nó.

Giai cấp công nhân được trang bị lý luận tiên tiến là chủ nghĩa Mác – Lênin, có đội tiên phong là Đảng cộng sản dẫn dắt.

Giai cấp công nhân là giai cấp đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử. Đây là đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân.

Giai cấp công nhân là một giai cấp cách mạng hoàn toàn không phải vì nghèo khổ, tình trạng này của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa tư bản là hậu quả của sự bóc lột, áp bức mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản tạo ra đối với công nhân, đó là trạng thái mà cách mạng sẽ xóa bỏ để giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng xã hội.

Địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân đã tạo nên những phẩm chất chính trị là giai cấp tiên tiến nhất; giai cấp có ý thức kỷ luật cao; giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để; giai cấp có bản chất quốc tế.

Tóm lại, chính địa vị kinh tế và địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân là yếu tố khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Câu 6

Phân tích điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử

Theo chủ nghĩa Mác- Lênin, sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân là thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra những điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân về cả số lượng và chất lượng

Thông qua sự phát triển này có thể thấy sự lớn mạnh của giai cấp công nhân cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng của công nghiệp, của kỹ thuật và công nghệ.

Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Chất lượng giai cấp công nhân phải thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tức là tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử, do đó giai cấp công nhân phải được giác ngộ về lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Là giai cấp đại diện tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, chất lượng giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay.

Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

Đảng Cộng sản – đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

Quy luật chung, phổ biến cho sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học, tức chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Đảng Cộng sản đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội. Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở bản chất giai cấp công nhân mà còn ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, với quần chúng lao động đông đảo trong xã hội, thực hiện cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo để giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội.

Đảng tiến hành lãnh đạo qua 4 phương pháp sau đây:

- Đề ra đường lối
- Tuyên truyền, vận động đưa đường lối vào thực tiễn cuộc sống
- Tổ chức thực hiện đường lối
- Gương mẫu thực hiện đường lối theo khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật

Liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác

Ngoài hai điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan nêu trên chủ nghĩa Mác - Lênin còn chỉ rõ, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có sự liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đây cũng là một điều kiện quan trọng không thể thiếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Như vậy, chỉ duy nhất giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.



ĐẠI CƯƠNG KHÓ
CÓ CÚ LO

4. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích ôn tập, sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 7

Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? ■

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải biến cách mạng một cách sâu sắc triệt để toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, bắt đầu từ giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền nhà nước cho tới khi chủ nghĩa xã hội tạo ra được những cơ sở của chính mình trên các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tính tất yếu của TKQĐ lên CNXH

Theo quy luật của lịch sử chuyển từ hình thái kinh tế xã hội này sang một hình thái kinh tế xã hội khác cao hơn luôn phải cần một thời kỳ để giai cấp thống trị tiến hành cải tạo xã hội cũ xây dựng xã hội mới. Vì vậy, việc thay thế hình thái kinh tế TBCN bằng hình thái kinh tế xã hội mới là CSCN (giai đoạn đầu là CNXH) tất yếu phải trải qua TKQĐ.

1. CNXH khác CNTB về bản chất chế độ sở hữu TLSX

So với các hình thái kinh tế xã hội đã xuất hiện trong lịch sử, hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa có sự khác biệt về chất, nếu như các hình thái kinh tế xã hội trước đó như cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa bản chất vẫn là dựa trên QHSX tư hữu về tư liệu sản xuất còn chủ nghĩa cộng sản QHSX dựa trên hình thức công hữu về tư liệu sản xuất.

2. Tiền đề kinh tế của CNXH là lực lượng sản xuất hiện đại

CNTB đã tạo ra sự phát triển vượt bậc của LLSX, đồ sộ hơn LLSX mà nhân loại đã tạo ra trước đó. Tuy nhiên, khi LLSX càng phát triển hiện đại hóa, mang tính chất xã hội hóa càng cao thì càng mâu thuẫn với QHSX tư hữu về TLSX. QHSX từ chỗ đóng vai trò mở đường cho LLSX phát triển thì càng ngày càng trở nên lỗi thời, xiềng xích, kìm hãm sự phát triển của LLSX. Đòi hỏi khách quan khi đó phải thay thế QHSX cũ, đã lỗi thời bằng một QHSX mới, tiến bộ hơn để phù hợp với sự phát triển của LLSX. Việc xóa bỏ QHSX cũ thay vào đó là một QHSX mới nghĩa là ở đó đang diễn ra sự diệt vong của một phương thức sản xuất lỗi thời kéo theo sự ra đời của một phương thức sản xuất mới. Đó là thời đại của Cách mạng xã hội.

3. Các quan hệ kinh tế của CNXH là kết quả cải tạo và xây dựng do GCCN tiến hành

Mặt khác, CNXH không thể tự hình thành và phát triển trong lòng CNTB mà cần có quá trình đấu tranh thông qua hoạt động tự giác của giai cấp công nhân trong cuộc cách mạng XHCN. Vì vậy, sau cuộc cách mạng XHCN giai cấp công nhân sử dụng chính quyền để từng bước xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ và xây dựng quan hệ sản xuất mới dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ chính trị. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

Vì vậy, để phát triển lên CNXH dù là những nước chưa hay đã trải qua sự phát triển TBCN đều cần phải trải qua thời kỳ quá độ lên CNXH. Có hai loại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội:

- Quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đối với những nước đã trải qua phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Quá độ gián tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đối với những nước chưa trải qua phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trên thế giới một thế kỷ qua, kể cả Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông u trước đây, Trung Quốc, Việt Nam và một số nước xã hội chủ nghĩa khác ngày nay, theo đúng lý luận Mác - Lênin, đều đang trải qua thời kỳ quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau.

4. Đây là công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp

Trong Phê phán Cương lĩnh Gôta, C.Mác đã viết: “... đây là thời kỳ của “sau những cơn đau đẻ kéo dài”” do tính khó khăn và phức tạp của thời kỳ quá độ. Quá độ lên CNXH là một sự nghiệp vô cùng khó khăn và phức tạp vì nó phải tạo ra sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Theo Lênin: “... thời kỳ quá độ không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa Chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và Chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác là giữa Chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn và Chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn non yếu”. Vì một chế độ này biến đổi thành một chế độ khác là cả một cuộc đấu tranh gay go, kịch liệt và lâu dài giữa cái xấu và cái tốt, giữa cái cũ và cái mới, giữa cái thoái bộ và cái tiến bộ, giữa cái đang suy tàn và cái đang phát triển.

Xây dựng CNXH là một quá trình chuyển đổi một cách sâu sắc, triệt để nên cần phải trải qua 1 thời kỳ quá độ lâu dài, khó khăn và tất yếu trong lịch sử. Vì vậy, thời kỳ quá độ lên CNXH là 1 tất yếu khách quan đối với các nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.



CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP



ĐẠI CƯƠNG KHÓ
CÓ CÚ LO

5. Khái niệm dân tộc và cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích ôn tập, sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 8

Phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc của Lênin

Về căn cứ đề ra cương lĩnh dân tộc, Lênin dựa trên:

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp**
Trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C. Mác và Ăngghen đề cập đến vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp như sau: “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở giai đoạn đầu mang tính chất dân tộc, vì phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số. Vì vậy, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, không phải là cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu mang hình thức dân tộc.”
Hai ông C. Mác và Ăngghen không xem nhẹ vấn đề dân tộc nhưng không đi sâu giải quyết vấn đề dân tộc. Theo hai ông, để giải quyết sự đối kháng dân tộc, trước hết phải giải quyết sự đối kháng giai cấp, giải phóng giai cấp là nhiệm vụ trung tâm, là điều kiện để giải phóng dân tộc.
- Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc:**
Nghiên cứu vấn đề dân tộc, Lênin phát hiện ra hai xu hướng khách quan trong sự phát triển quan hệ dân tộc.
Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập. Nguyên nhân là do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra để thành lập các dân tộc độc lập. Xu hướng này thể hiện rõ nét trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.
Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi bóc lột thuộc địa; do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.
- Dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc giải quyết vấn đề dân tộc những năm đầu thế kỷ XX.

Ba nội dung chủ yếu của Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin gồm có ba nội dung chủ yếu: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết; liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

Một là, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Nội dung:

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.

Trên phạm vi quốc tế, để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Chống những biểu hiện sai trái với quyền bình đẳng dân tộc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Phần đầu xây dựng trật tự thế giới mới, chống áp bức bóc lột.

Ý nghĩa: Bình đẳng dân tộc là quyền thiêng liêng của mỗi dân tộc. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc

Hai là, các dân tộc được quyền tự quyết

Nội dung:

Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn - cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân. V.I.Lênin đặc biệt chú trọng quyền tự quyết của các dân tộc bị áp bức, các dân tộc phụ thuộc.

Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

Ý nghĩa: Quyền tự quyết của dân tộc là một quyền cơ bản của dân tộc, là cơ sở để xóa bỏ sự hiềm khích, thù hận giữa các dân tộc, phát huy tiềm năng của các dân tộc vào sự phát triển chung của nhân loại.

Ba là, Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

Nội dung:

Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Ý nghĩa: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là nội dung cơ bản nhất trong cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin:

- Phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân.
- Phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.
- Đảm bảo cho phong trào giải phóng dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi.
- Là điều kiện thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Do đó, là cơ sở để giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc bị áp bức.
- Nội dung này vừa là nội dung chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các Đảng cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.



ĐẠI CƯƠNG KHÓ
CÓ CÚ LO

6. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bản chất, nguồn gốc và nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH

Lưu ý: Trình bày theo sự hướng dẫn của thầy cô. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích ôn tập, sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 9

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguồn gốc của tôn giáo

Bản chất của tôn giáo:

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Qua sự phản ánh của tôn giáo, mọi sức mạnh của tự nhiên và xã hội đều trở thành thần bí.

- Xét về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội tiêu cực.
- Trong những chừng mực nhất định, tôn giáo có những mặt tích cực. "Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, tinh thần của trạng thái không có tinh thần, tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân."

Nguồn gốc của tôn giáo

1. Nguồn gốc kinh tế - xã hội: Nguồn gốc kinh tế - xã hội là nguồn gốc cơ bản nhất.

+ Kinh tế:

- Kinh tế phát triển ở trình độ thấp: Trong xã hội công xã nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, trước thiên nhiên hùng vĩ tác động và chi phối khiến cho con người cảm thấy yếu đuối và bất lực, không giải thích được nên bị phụ thuộc vào tự nhiên, gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí, thần thánh hóa tự nhiên → tôn giáo ra đời.
- Kinh tế phát triển ở trình độ cao: Khi kinh tế phát triển cao hơn, đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường, con người gặp nhiều rủi ro trong quá trình kinh doanh nên dựa vào yếu tố tôn giáo để bù đắp cho yếu tố tâm lý của mình.

+ Xã hội:

- Xã hội phát triển ở trình độ thấp: Con người không lý giải được các mâu thuẫn xã hội, nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và những áp bức bóc lột bất công, tội ác, nên phải dựa vào tôn giáo để giải thích.
- Xã hội phát triển ở trình độ cao: Khi xã hội đã phát triển tới trình độ cao hơn nhưng những mâu thuẫn về vấn đề dân tộc và giai cấp vẫn còn, vì vậy con người vẫn cần những lực lượng siêu nhiên, những lý giải về mặt tinh thần → nguồn gốc cho sự ra đời của tôn giáo vẫn còn tồn tại.

2. Nguồn gốc nhận thức

- Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa "biết" và "chưa biết" vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển.

- Nhận thức ở trình độ cao: Khi con người đạt đến trình độ tư duy trừu tượng, con người dựa trên sự suy luận, xa rời nguồn gốc thực tế → dẫn đến tôn giáo ra đời.

Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hoá, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh.

3. Nguồn gốc tâm lý

- Tâm lý sợ hãi: Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm một việc lớn (ví dụ: ma chay, cưới xin, làm nhà, khởi đầu sự nghiệp kinh doanh...), con người cũng dễ tìm đến với tôn giáo.
- Tâm lý thành kính, yêu thương: Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo (ví dụ: thờ các anh hùng dân tộc, thờ các thành hoàng làng...).

Câu 10

Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Bản chất của tôn giáo:

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Qua sự phản ánh của tôn giáo, mọi sức mạnh của tự nhiên và xã hội đều trở thành thần bí.

- Xét về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội tiêu cực.
- Trong những chừng mực nhất định, tôn giáo có những mặt tích cực. "Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, tinh thần của trạng thái không có tinh thần, tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân."

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn còn tồn tại, tuy đã có sự biến đổi trên nhiều mặt. Vì vậy, khi giải quyết vấn đề tôn giáo cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đấng tối cao, đấng thiêng liêng nào đó mà họ tôn thờ, thuộc lĩnh vực ý thức tư tưởng. Do đó, tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân. Quyền này nói lên rằng việc theo đạo, đổi đạo, hay không theo đạo là thuộc quyền tự do lựa chọn của mỗi người dân, không một cá nhân, tổ chức nào, kể cả các chức sắc tôn giáo, tổ chức giáo hội... được quyền can thiệp vào sự lựa chọn này. Mọi hành vi cấm đoán, ngăn cản tự do theo đạo, đổi đạo, bỏ đạo hay đe dọa, bắt buộc người dân phải theo đạo đều xâm phạm đến quyền tự do tư tưởng của họ.

Tôn trọng tự do tín ngưỡng cũng chính là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không can thiệp và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân. Các tôn giáo và hoạt động tôn giáo bình thường, các cơ sở thờ tự, các phương tiện phục vụ nhằm thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng của người dân được Nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng và bảo hộ.

Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới

Nguyên tắc này để khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ hướng vào giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng nhân dân mà không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo. Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xóa bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xóa bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Điều cần thiết trước hết là phải xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học... cũng như những tệ nạn nảy sinh trong xã hội. Đó là một quá trình lâu dài, và không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo

Trong xã hội công xã nguyên thủy, tín ngưỡng, tôn giáo chỉ biểu hiện thuần túy về tư tưởng. Nhưng khi xã hội đã xuất hiện giai cấp thì dấu ấn giai cấp - chính trị ít nhiều đều in rõ trong các tôn giáo. Từ đó, hai mặt chính trị và tư tưởng thường thể hiện và có mối quan hệ với nhau trong vấn đề tôn giáo và bản thân mỗi tôn giáo.

Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiến bộ với phản tiến bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động.

Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo, cũng như những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối kháng.

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo thực chất là phân biệt tính chất khác nhau của hai loại mâu thuẫn luôn tồn tại trong bản thân tôn giáo và trong vấn đề tôn giáo. Sự phân biệt này, trong thực tế không đơn giản, bởi lẽ, trong đời sống xã hội, hiện tượng nhiều khi phản ánh sai lệch bản chất, mà vấn đề chính trị và tư tưởng trong tôn giáo thường đan xen vào nhau. Mặt khác, trong xã hội có đối kháng giai cấp, tôn giáo thường bị yếu tố chính trị chi phối rất sâu sắc, nên khó nhận biết vấn đề chính trị hay tư tưởng thuần túy trong tôn giáo. Việc phân biệt hai mặt này là cần thiết nhằm tránh khuynh hướng cực đoan trong quá trình quản lý, ứng xử những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

Tôn giáo không phải là một hiện tượng xã hội bất biến, ngược lại, nó luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tùy thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội - lịch sử cụ thể. Mỗi tôn giáo đều có lịch sử hình thành, có quá trình tồn tại và phát triển nhất định. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về những lĩnh vực của đời sống xã hội luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.



CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP



ĐẠI CƯƠNG KHÓ
CÓ CÚ LO

7. Phân tích các chức năng cơ bản của gia đình

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích ôn tập, sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 11

Phân tích các chức năng cơ bản của gia đình

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Các nhà xã hội học đã nghiên cứu gia đình trên cấp độ vi mô và cấp độ vĩ mô đều khẳng định những chức năng cơ bản của gia đình. Gia đình có 5 chức năng:

1. Chức năng tái sản xuất ra con người

Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của xã hội.

Việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người diễn ra trong từng gia đình, nhưng không chỉ là việc riêng của gia đình mà là vấn đề xã hội. Bởi vì, thực hiện chức năng này quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động của một quốc gia và quốc tế, một yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội.

Thực hiện chức năng này liên quan chặt chẽ đến sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, tùy theo từng nơi, phụ thuộc vào nhu cầu của xã hội, chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích. (Ví dụ: Ở Việt Nam hiện nay dân số đang là dân số già, Đảng và Nhà nước khuyến khích mỗi cặp vợ chồng sinh đủ 2 con. Các quốc gia như Nhật, Đức, Nga, ... khuyến khích sinh con vì họ cần thêm các nguồn nhân lực mới cho đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển của xã hội.) Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lực lao động mà gia đình cung cấp.

2. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục

Bên cạnh chức năng tái sản xuất ra con người, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. (Ví dụ: Mỗi một đứa trẻ sinh ra đều chịu ảnh hưởng rất lớn từ bố mẹ. Nếu cha mẹ có phương pháp giáo dục tốt, thương yêu, tôn trọng con cái sẽ tác động mạnh mẽ đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách con cái thành các công dân tốt, tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội.) Thực hiện chức năng này, gia đình có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi người. Những hiểu biết đầu tiên mà gia đình đem lại thường để lại dấu ấn sâu đậm và bền vững trong cuộc đời mỗi người. Vì vậy, gia đình là một môi trường văn hóa, giáo dục, trong môi trường này, mỗi thành viên đều là những chủ thể sáng tạo những giá trị văn hóa, chủ thể giáo dục đồng thời cũng là những người thụ hưởng giá trị văn hóa, và là khách thể chịu sự giáo dục của các thành viên khác trong gia đình.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời của mỗi thành viên, từ lúc lọt lòng cho đến khi trưởng thành và tuổi già. Đây là chức năng hết sức quan trọng, mặc dù, trong xã hội có nhiều cộng đồng khác (nhà trường, các đoàn thể, chính quyền v.v..) cũng thực hiện chức năng này, nhưng không thể thay thế chức năng giáo dục của gia đình. Với chức năng này, gia đình góp phần to lớn vào việc đào tạo thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của xã hội, cung cấp và nâng cao chất lượng nguồn lao động để duy trì sự trường tồn của xã hội, đồng thời mỗi cá nhân từng bước được xã hội hóa. Vì vậy, giáo dục của gia đình gắn liền với giáo dục của xã hội. Nếu giáo dục của gia đình không gắn với giáo dục của xã hội, mỗi cá nhân sẽ khó khăn khi hòa nhập với xã hội, và ngược lại, giáo dục của xã hội sẽ không đạt được hiệu quả cao khi không kết hợp với giáo dục của gia đình, không lấy giáo dục của gia đình là nền tảng. Do vậy, cần tránh khuynh hướng coi trọng giáo dục gia đình mà hạ thấp giáo dục của xã hội hoặc ngược lại. Bởi cả hai khuynh hướng ấy, mỗi cá nhân đều không phát triển toàn diện.

Thực hiện tốt chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, đòi hỏi mỗi người làm cha, làm mẹ phải có kiến thức cơ bản, tương đối toàn diện về mọi mặt, văn hóa, học vấn, đặc biệt là phương pháp giáo dục.

3. Chức năng kinh tế, tổ chức tiêu dùng

Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên, đặc thù của gia đình mà các đơn vị kinh tế khác không có được, là ở chỗ, gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội.

Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động, mà còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội. (Ví dụ: Trong năm 2020, có khoảng 8,6 triệu hộ gia đình nông nghiệp trên cả nước, đóng góp một phần quan trọng vào sản lượng nông sản quốc gia như gạo, cà phê, và các loại rau quả. Hay Theo Khảo sát Mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) năm 2018, chỉ tiêu bình quân đầu người một tháng của hộ gia đình là 2,89 triệu đồng. Trong đó, chi tiêu cho thực phẩm chiếm tỷ lệ lớn nhất, khoảng 36,7%, tiếp theo là chi tiêu cho nhà ở và dịch vụ liên quan (22,1%), giáo dục (6,7%), và y tế (5,9%).) Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như các sinh hoạt trong gia đình. Đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên cùng với việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi để tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhằm nâng cao sức khỏe, đồng thời để duy trì sở thích, sắc thái riêng của mỗi người.

Cùng với sự phát triển của xã hội, ở các hình thức gia đình khác nhau và ngay cả ở một hình thức gia đình, nhưng tùy theo từng giai đoạn phát triển của xã hội, chức năng kinh tế của gia đình có sự khác nhau, về quy mô sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất và cách thức tổ chức sản xuất và phân phối. Vị trí, vai trò của kinh tế gia đình và mối quan hệ của kinh tế gia đình với các đơn vị kinh tế khác trong xã hội cũng không hoàn toàn giống nhau.

Thực hiện chức năng này, gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình. Hiệu quả hoạt động kinh tế của gia đình quyết định hiệu quả đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên gia đình. Đồng thời, gia đình đóng góp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra của cải, sự giàu có của xã hội. Gia đình có thể phát huy một cách có hiệu quả mọi tiềm năng của mình về vốn, về sức lao động, tay nghề của người lao động, tăng nguồn của cải vật chất cho gia đình và xã hội. Thực hiện tốt chức năng này, không những tạo cho gia đình có cơ sở để tổ chức tốt đời sống, nuôi dạy con cái, mà còn đóng góp to lớn đối với sự phát triển của xã hội.

4. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình

Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Do vậy, gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi cá nhân, là nơi nương tựa về mặt tinh thần chứ không chỉ là nơi nương tựa về vật chất của con người. Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên, gia đình có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của xã hội. Khi quan hệ tình cảm gia đình rạn nứt, quan hệ tình cảm trong xã hội cũng có nguy cơ bị phá vỡ.

(Ví dụ: Trong gia đình, tình cảm giữa con cái với ông bà, bố mẹ, giữa anh chị em với nhau là một loại tình cảm đặc biệt. Mỗi người sống trong mái ấm gia đình sẽ cảm nhận được sự yêu thương, chăm sóc, được quan tâm, đùm bọc lẫn nhau.)

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị. Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình. Gia đình không chỉ là nơi lưu giữ mà còn là nơi sáng tạo và thụ hưởng những giá trị văn hóa của xã hội. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hướng ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó. Gia đình là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với công dân.



ĐẠI CƯƠNG KHÓ
CÓ CÚ LO

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ đề cương của cô Lương Minh Hạnh
- [2] Bộ đề cương của bạn Nguyễn Minh Châu - 20221677
- [3] Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học của Bộ giáo dục và Đào tạo, tái bản năm 2021.

CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP